

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO.

- Mã chứng khoán: VET
- Địa chỉ: 15 Trần Cao Vân, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại: (028) 38225063 – Fax: (028) 38225060
- Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Hồng Hoa

2. Nội dung công bố thông tin:

CBTT Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2024 và công văn số: 597 /NVC ngày 14/8/2024 v/v giải trình biến động doanh thu và lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2024.

3. Loại thông tin công bố: 24h, định kỳ, bất thường, Theo Y/c.

4. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 15/8/2024 tại đường dẫn: <https://navetco.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ KIM LAN



Người ký: CÔNG TY CỔ PHẦN
THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG
NAVETCO
Email: hotro.ktqm@gmail.com
Ký ngày: 15/08/2024 09:43:02

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y
TRUNG ƯƠNG NAVETCO**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương Navetco (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho 6 tháng đầu năm 2024 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Thuốc Thú Y Trung Ương theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300600417 ngày 05/11/2013 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 9 ngày 08/7/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề chính của Công ty: Sản xuất vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật thú y, thú y thủy sản, hóa chất dùng trong thú y và thú y thủy sản; Sản xuất chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính là:

Hội đồng Quản trị

Ông Trầm Tuấn Khanh	Chủ tịch	(bổ nhiệm ngày 14/12/2023)
Bà Nguyễn Thị Kim Lan	Phó chủ tịch	(bổ nhiệm ngày 14/12/2023)
Ông Phạm Quang Thái	Phó chủ tịch	(miễn nhiệm ngày 14/12/2023)
Bà Nguyễn Thị Hồng Hoa	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 14/12/2023)
Ông Nguyễn Hiếu Liêm	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 14/12/2023)
Ông Nguyễn Hữu Huân	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 14/12/2023)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Kim Lan	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Quang Thái	Phó Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 01/01/2024)
Ông Trần Xuân Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Đỗ Thị Hải Thanh	Kế toán trưởng	

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Mi Sa	Trưởng ban	
Bà Lê Trần Thanh Trâm	Thành viên	
Bà Lại Thị Minh Hiền	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 14/12/2023)

Các sự kiện sau ngày lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ tài chính cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán tại Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh cho cùng kỳ, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ KIM LAN

Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2024

Số: 246/2024/DFK - BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương Navetco**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương Navetco, được lập ngày 10 tháng 8 năm 2024, từ trang 5 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương Navetco chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương Navetco tại ngày 30/6/2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Công ty được kiểm toán, soát xét bởi công ty kiểm toán khác. Tại báo cáo kiểm toán số 216/BCKT/TC/2024/AASCS ngày 20 tháng 3 năm 2024 và báo cáo soát xét số 582/BCSX/TC/2023/AASCS ngày 10 tháng 8 năm 2023, kiểm toán viên đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần và kết luận chấp nhận toàn phần.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam



LÊ ĐÌNH HUYÊN

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1756-2023-042-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/6/2024

MẪU B01a - DN

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024	01/01/2024
A. Tài sản ngắn hạn	100		592.738.194.114	544.732.878.779
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	13.319.483.763	16.219.102.930
1. Tiền	111		13.319.483.763	16.219.102.930
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		119.460.112.701	108.347.869.509
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	84.963.002.802	90.510.142.588
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	11.790.528.738	5.441.682.134
3. Phải thu khác ngắn hạn	136	V.04a	22.706.581.161	12.396.044.787
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.05	457.174.259.260	419.971.344.795
1. Hàng tồn kho	141		457.174.259.260	419.971.344.795
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		2.784.338.390	194.561.545
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	1.080.867.712	194.561.545
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.703.470.678	-
B. Tài sản dài hạn	200		335.950.275.750	353.255.808.304
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		2.540.213.211	2.529.187.232
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	2.540.213.211	2.529.187.232
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		97.115.949.100	114.346.994.635
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	97.115.949.100	114.346.994.635
- Nguyên giá	222		550.893.017.470	550.642.035.370
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(453.777.068.370)	(436.295.040.735)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	-	-
- Nguyên giá	228		222.818.390	222.818.390
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(222.818.390)	(222.818.390)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		22.296.652.641	22.207.109.123
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	22.296.652.641	22.207.109.123
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.09	201.500.000.000	201.500.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		201.500.000.000	201.500.000.000
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		12.497.460.798	12.672.517.314
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	12.497.460.798	12.672.517.314
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		928.688.469.864	897.988.687.083

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/6/2024

MẪU B01a - DN

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024	01/01/2024
C. Nợ phải trả	300		584.119.915.880	557.374.980.225
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		382.619.915.880	355.874.980.225
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	127.395.209.961	68.663.381.342
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.544.083.423	3.575.980.065
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12a	3.708.327.692	5.719.756.958
4. Phải trả người lao động	314		1.105.218.620	290.750.140
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.032.272.727	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	197.884.414.267	229.339.256.685
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	49.922.343.218	48.232.604.894
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	28.045.972	53.250.141
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		201.500.000.000	201.500.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	201.500.000.000	201.500.000.000
D. Vốn chủ sở hữu	400	V.16	344.568.553.984	340.613.706.858
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410		322.556.880.285	318.425.783.159
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		160.000.000.000	160.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		160.000.000.000	160.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		142.496.425.922	142.904.738.411
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.060.454.363	15.521.044.748
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.517.340.843	15.511.761.064
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.543.113.520	9.283.684
<i>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	430	V.17	22.011.673.699	22.187.923.699
1. Nguồn kinh phí	431		21.923.548.699	21.923.548.699
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		88.125.000	264.375.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		928.688.469.864	897.988.687.083

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Lê Thái Bình
Người lập biểu

Ngày 10 tháng 8 năm 2024



Đỗ Thị Hải Thanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Lan
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

MẪU B02a - DN

Đơn vị tính: đồng

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	153.290.109.607	176.750.636.412
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	10		153.290.109.607	176.750.636.412
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	83.063.884.587	105.665.635.737
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		70.226.225.020	71.085.000.675
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	82.622.027	1.158.942.458
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	4.613.622.809	4.309.574.482
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.620.000.826	1.146.982.376
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.05	30.862.163.608	27.181.861.494
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	26.817.289.635	21.866.679.739
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.015.770.995	18.885.827.418
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	1.906.979.819	892.431.383
12.	Chi phí khác	32	VI.08	2.143.446.841	1.214.551.805
13.	Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		(236.467.022)	(322.120.422)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.779.303.973	18.563.706.996
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	1.555.860.795	3.952.219.760
16.	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.223.443.178	14.611.487.236
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	284	731
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		284	731

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Lê Thái Bình

Người lập biểu

Ngày 10 tháng 8 năm 2024



Đỗ Thị Hải Thanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Lan

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

Mẫu B03a - DN

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.779.303.973	18.563.706.996
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	17.305.777.635	20.545.857.745
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.259.046.015	-
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.499.631)	(24.624.446)
Chi phí lãi vay	06	1.620.000.826	1.146.982.376
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	27.960.628.818	40.231.922.671
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(12.826.739.849)	(2.541.185.860)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(37.202.914.465)	(53.925.505.350)
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	25.881.402.108	(28.401.476.888)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(711.249.651)	1.683.722.501
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.620.000.826)	(1.146.982.376)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.610.327.639)	(3.783.487.835)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.123.130.000)	(4.499.040.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.252.331.504)	(52.382.033.137)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, tài sản dài hạn khác	21	(340.525.618)	(792.391.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tài sản dài hạn khác	22	-	15.545.455
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.499.631	9.078.991
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(337.025.987)	(767.766.554)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	55.341.060.418	68.845.017.408
Tiền trả nợ gốc vay	34	(53.651.322.094)	(31.374.220.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.689.738.324	37.470.797.408
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.899.619.167)	(15.679.002.283)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	16.219.102.930	30.398.343.801
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	13.319.483.763	14.719.341.518

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Lê Thái Bình

Người lập biểu

Ngày 10 tháng 8 năm 2024



Đỗ Thị Hải Thanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Lan

Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Thuốc Thú Y Trung Ương theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300600417 ngày 05/11/2013 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 9 ngày 08/7/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán là VET kể từ ngày 18/5/2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 100/2017/GCNCP-VSD ngày 17/5/2017 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 15, Trần Cao Vân, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các Chi nhánh và kho hàng hoạt động như sau:

- Chi nhánh Hà Nội tại địa chỉ số 164 Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, mã số doanh nghiệp: 0300600417-001;
- Chi nhánh Bình Dương tại Lô 205 đường số 6 Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, mã số doanh nghiệp: 0300600417-003;
- Chi nhánh miền Tây tại địa chỉ số 16, đường số 7 KDC Xây dựng, Khu vực 2, Phường Hưng Thạnh, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, mã số doanh nghiệp: 0300600417-004.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại – Sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh đăng ký

- Sản xuất vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật thú y, thú y thủy sản, hóa chất dùng trong thú y, thú y thủy sản; Sản xuất chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản (Chính);
- Bán buôn vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y và thú y thủy sản; Bán buôn chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất xử lý cải tạo môi trường trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; Bán buôn nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ cho nghiên cứu, sản xuất, kiểm nghiệm vắc xin, thuốc thú y, thú y thủy sản;
- Sản xuất thức ăn thủy sản và thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Nghiên cứu khoa học về thú y, các phương pháp chuẩn đoán, phòng chống bệnh cho đàn gia súc, gia cầm;
- Dự trữ quốc gia về thuốc thú y, thú y thủy sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động thú y. Chi tiết: Chăm sóc sức khỏe động vật và kiểm soát hoạt động của gia súc; Chăm sóc sức khỏe động vật và kiểm soát hoạt động của vật nuôi; Hoạt động của trợ giúp thú y hoặc những hỗ trợ khác cho các bác sĩ thú y; Nghiên cứu chuyên khoa, chuẩn đoán bệnh và xét nghiệm bệnh động vật;
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán thuốc thú y;
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất thuốc thú y.

4. Số lượng nhân viên của Công ty: tại ngày 30/6/2024 là 285 người (Tại ngày 31/12/2023 là 286 người)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

II. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Công ty áp dụng theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

III. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Năm tài chính

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán, công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị, dụng cụ	05 – 06
Phương tiện vận tải	05 – 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Phần mềm kế toán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm xe, bảo hiểm tài sản...); công cụ dụng cụ; chi phí sửa chữa TSCĐ; tiền thuê đất trả trước; lợi thế kinh doanh...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Riêng tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư.

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

10. Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng theo tỷ lệ quy định.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

Phân chia lợi nhuận:

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông:

Quỹ đầu tư và phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được công bố bởi Hội đồng Quản trị của Công ty.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

15. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

18. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Căn cứ thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B09a - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VND

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/6/2024	01/01/2024		
Tiền mặt	100.986.337	434.885.931		
Tiền gửi ngân hàng	13.218.497.426	15.784.216.999		
Cộng	13.319.483.763	16.219.102.930		
2. Phải thu khách hàng ngắn hạn	30/6/2024	01/01/2024		
- Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Việt Nam	6.180.000.000	-		
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% số dư phải thu khách hàng)	78.783.002.802	90.510.142.588		
Cộng	84.963.002.802	90.510.142.588		
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	30/6/2024	01/01/2024		
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh Nhà TPHCM - Xí nghiệp xây dựng và sửa chữa nhà	8.096.085.479	2.082.401.702		
- Các khoản ứng trước đến các nhà cung cấp khác	3.694.443.259	3.359.280.432		
Cộng	11.790.528.738	5.441.682.134		
4. Các khoản phải thu khác	30/6/2024	01/01/2024		
a) Ngắn hạn				
- Khoản thu hàng hóa cho Khách hàng mượn	15.002.248.023	8.995.775.279		
- Các khoản tạm ứng cho nhân viên	1.327.845.953	1.398.113.976		
- Ký quỹ bảo lãnh tại Ngân hàng Nông Nghiệp và PTNT Việt Nam	6.275.831.185	1.892.630.740		
- Ký quỹ ngắn hạn khác	100.656.000	100.656.000		
- Bảo hiểm xã hội, y tế nộp thừa	-	2.868.792		
- Các khoản phải thu khác	-	6.000.000		
Cộng	22.706.581.161	12.396.044.787		
b) Dài hạn				
- Ký quỹ dài hạn khác	2.540.213.211	2.529.187.232		
Cộng	2.540.213.211	2.529.187.232		
5. Hàng tồn kho	30/6/2024	01/01/2024		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
- Nguyên vật liệu	98.791.505.477	-	68.121.551.126	-
- Công cụ dụng cụ	1.243.630.787	-	1.181.064.989	-
- Chi phí sản xuất dở dang	32.924.103.125	-	6.901.429.365	-
- Thành phẩm	223.384.563.253	-	232.305.331.941	-
- Hàng hóa	100.830.456.618	-	111.461.967.374	-
Cộng	457.174.259.260	-	419.971.344.795	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

6. Tài sản cố định hữu hình	01/01/2024	Tăng	Giảm	30/6/2024
Nguyên giá				
Nhà cửa, vật kiến trúc	179.918.355.498	-	-	179.918.355.498
Máy móc, thiết bị	334.990.454.443	250.982.100	-	335.241.436.543
Phương tiện vận tải	35.733.225.429	-	-	35.733.225.429
Cộng	550.642.035.370	250.982.100	-	550.893.017.470
Khấu hao lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	116.439.544.789	6.585.817.004	-	123.025.361.793
Máy móc, thiết bị	287.514.814.329	9.463.450.789	-	296.978.265.118
Phương tiện vận tải	32.340.681.617	1.432.759.842	-	33.773.441.459
Cộng	436.295.040.735	17.482.027.635	-	453.777.068.370
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	63.478.810.709	-	-	56.892.993.705
Máy móc, thiết bị	47.475.640.114	-	-	38.263.171.425
Phương tiện vận tải	3.392.543.812	-	-	1.959.783.970
Cộng	114.346.994.635	-	-	97.115.949.100

Tài sản cố định hữu hình tăng trong kỳ do mua sắm mới và từ xây dựng cơ bản; giảm do nhượng bán.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết, vẫn còn sử dụng là 250.384.916.388 đồng.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình tăng trong kỳ này là 17.482.027.635 đồng, trong đó khấu hao từ nguồn kinh phí là 176.250.000 đồng và khấu hao đưa vào chi phí là 17.305.777.635 đồng.

7. Tài sản cố định vô hình	01/01/2024	Tăng	Giảm	30/6/2024
Nguyên giá				
Phần mềm	222.818.390	-	-	222.818.390
Cộng	222.818.390	-	-	222.818.390
Khấu hao lũy kế				
Phần mềm	222.818.390	-	-	222.818.390
Cộng	222.818.390	-	-	222.818.390
Giá trị còn lại				
Phần mềm	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 222.818.390 đồng.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30/6/2024	01/01/2024
Chi phí xây dựng nhà công cường độc tại Cù Chi	89.543.518	-
Chi phí xây dựng Kho bảo quản thuốc thú y dự trữ quốc gia	22.207.109.123	22.207.109.123
Cộng	22.296.652.641	22.207.109.123

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B09a - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư dài hạn khác						
Bảo Trí Invest	82.680.000.000	82.680.000.000	-	82.680.000.000	82.680.000.000	-
NDC An Khang	118.820.000.000	118.820.000.000	-	118.820.000.000	118.820.000.000	-
Cộng	201.500.000.000	201.500.000.000	-	201.500.000.000	201.500.000.000	-

Khoản đầu tư vào **Công ty Cổ phần Bảo Trí Invest** theo hợp đồng góp vốn ngày 20/12/2018. Công ty Cổ phần Bảo Trí Invest được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 0315356391 ngày 14/01/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng vốn điều lệ của Công ty CP Bảo Trí Invest là 2.326.110.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco đã góp vốn với số tiền 82.680.000.000 đồng, tương ứng 82.680 cổ phần ưu đãi hoàn lại loại A, chiếm 3,55% vốn điều lệ của Công ty CP Bảo Trí Invest.

Khoản đầu tư vào **Công ty Cổ phần NDC An Khang** theo hợp đồng góp vốn ngày 17/4/2018. Công ty Cổ phần NDC An Khang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 0314776107 ngày 07/3/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng vốn điều lệ của Công ty CP NDC An Khang là 2.861.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco đã góp vốn với số tiền 118.820.000.000 đồng, tương ứng 118.820 cổ phần ưu đãi hoàn lại loại A, chiếm 5,7% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần NDC An Khang.

	30/6/2024	01/01/2024
10. Chi phí trả trước		
a) Ngắn hạn		
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	1.080.867.712	194.561.545
Cộng	1.080.867.712	194.561.545
b) Dài hạn		
- Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp VSIP (10.1)	3.635.877.251	3.727.652.885
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	8.861.583.547	8.944.864.429
Cộng	12.497.460.798	12.672.517.314

(10.1) Trả trước tiền thuê đất theo hợp đồng thuê đất ngày 28/5/2008, diện tích thuê 12.900 m² đất tại lô số 205 Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; thời hạn thuê đất đến ngày 18/7/2048. Tổng giá trị tiền thuê đã thanh toán là 7.525.602.000 đồng, thời gian phân bổ tiền thuê là 40 năm.

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
- Boehringer Ingelheim Animal Health France	80.228.257.893	80.228.257.893	29.168.932.980	29.168.932.980
- Công ty TNHH Thương mại tiếp thị CMS	8.397.568.185	8.397.568.185	10.596.478.176	10.596.478.176
- Các nhà cung cấp khác	38.769.383.883	38.769.383.883	28.897.970.186	28.897.970.186
Cộng	127.395.209.961	127.395.209.961	68.663.381.342	68.663.381.342

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VND

12. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu từ Nhà nước

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2024
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT phải nộp	119.975.652	7.910.277.661	8.030.253.313	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	4.427.550.338	4.427.550.338	-
- Thuế nhập khẩu	-	412.451.076	412.451.076	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.110.164.558	1.555.860.795	3.610.327.639	1.055.697.714
- Thuế thu nhập cá nhân	2.409.116.203	1.325.267.253	1.107.169.118	2.627.214.338
- Thuế nhà thầu	-	5.399.853	5.399.853	-
- Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
- Thuế khác	80.500.545	61.313.233	116.398.138	25.415.640
Cộng	5.719.756.958	15.704.120.209	17.715.549.475	3.708.327.692
b) Phải thu				
- Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	1.703.470.678	1.703.470.678
Cộng	-	-	1.703.470.678	1.703.470.678

13. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2024	01/01/2024
- Kinh phí công đoàn	2.483.516.756	2.261.787.796
- Giá trị hàng hóa mượn của khách hàng	141.181.388.484	175.990.534.891
- Cổ tức còn phải trả	24.000.000.000	24.645.579.779
- Phải trả cho Boehringer Ingelheim Animal Health France (13.1)	25.680.382.469	25.680.382.469
- Phải trả ký quỹ ngắn hạn	2.913.305.000	440.000.000
- Các khoản phải trả khác	1.625.821.558	320.971.750
Cộng	197.884.414.267	229.339.256.685

(13.1) Chi phí maketing nhận được từ Boehringer Ingelheim Animal Health France để duy trì và phát triển nhãn hiệu các vắc-xin của Boehringer theo Thỏa thuận cung cấp, bản quyền và phân phối ngày 26/9/2018.

14. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Số dư đầu năm	53.250.141	3.356.655.263
Tăng do trích quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	417.596.173	-
Tăng do tạm trích quỹ kỳ này	1.680.329.658	2.922.297.447
Giảm do chi quỹ trong kỳ	(2.123.130.000)	(4.499.040.000)
Số dư cuối kỳ	28.045.972	1.779.912.710

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

15. Vay và nợ thuê tài chính	01/01/2024	Trong kỳ		30/6/2024
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	48.232.604.894	55.341.060.418	53.651.322.094	49.922.343.218
- Ngân hàng Nông Nghiệp (15.1)	48.232.604.894	55.341.060.418	53.651.322.094	49.922.343.218
Vay dài hạn	201.500.000.000	-	-	201.500.000.000
- Công ty CP ĐT PT Hoa Lâm (15.2)	201.500.000.000	-	-	201.500.000.000
Cộng	249.732.604.894	-	-	251.422.343.218

(15.1) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 1700/LAV-202300482 ngày 28/09/2023 với tổng hạn mức vay là 50 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 28/09/2024, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 06 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại số Thửa đất số 3, tờ bản đồ số DC19, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp kèm theo. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2024 là 49.922.343.218 đồng.

(15.2) Vay dài hạn từ Công ty CP Đầu tư Phát triển Hoa Lâm theo Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV-HL/2011 ngày 08/4/2011 và phụ lục số 01 ngày 28/3/2015 với mục đích đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Thương mại An Khang để đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh dự án Khu trung tâm thương mại và căn hộ tại số 29 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. Số tiền vay là 201,5 tỷ; thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Nợ gốc từng kỳ được hoàn trả khi bên vay nhận được cổ tức từ Công ty CP Đầu tư và Thương mại An Khang cho đến khi hết nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 82.680 cổ phiếu của Công ty CP Bảo Trí Invest và 118.820 cổ phiếu của Công ty CP NDC An Khang mà bên vay nắm giữ hoặc sở hữu.

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2023	Tăng	Giảm	30/6/2023
- Vốn góp của chủ sở hữu	160.000.000.000	-	-	160.000.000.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	142.190.176.397	-	-	142.190.176.397
- LNST chưa phân phối	16.157.340.843	14.611.487.236	2.922.297.447	27.846.530.632
Cộng	318.347.517.240	14.611.487.236	2.922.297.447	330.036.707.029
	01/01/2024	Tăng	Giảm	30/6/2024
- Vốn góp của chủ sở hữu	160.000.000.000	-	-	160.000.000.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	142.904.738.411	-	408.312.489	142.496.425.922
- LNST chưa phân phối	15.521.044.748	6.223.443.178	1.684.033.563	20.060.454.363
Cộng	318.425.783.159	6.223.443.178	2.092.346.052	322.556.880.285

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
b) Lợi nhuận chưa phân phối		
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	15.521.044.748	16.157.340.843
- Lợi nhuận phát sinh trong kỳ	6.223.443.178	14.611.487.236
- Tạm trích quỹ Khen thưởng và phúc lợi kỳ này	(1.680.329.658)	(2.922.297.447)
- Hoàn nhập quỹ Đầu tư và phát triển năm trước	408.312.489	-
- Hoàn nhập do trích dư cổ tức năm trước	5.579.779	-
- Trích bổ sung quỹ Khen thưởng và phúc lợi năm trước	(417.596.173)	-
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	20.060.454.363	27.846.530.632
c) Cổ tức		
- Cổ tức năm trước đã công bố trong Đại hội đồng cổ đông	24.000.000.000	32.000.000.000
Ghi chú: Cổ tức của kỳ này đã được Đại hội đồng cổ đông công bố chia cổ tức theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 376/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/6/2024.		
d) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 160.000.000.000 đồng tương đương 16.000.000 Cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phần.		
Cổ phiếu	30/6/2024	01/01/2024
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.000.000	16.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.000.000	16.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	16.000.000	16.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.000.000	16.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	16.000.000	16.000.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp
17. Nguồn kinh phí	30/6/2024	01/01/2024
- Nguồn kinh phí	(17.1) 21.923.548.699	21.923.548.699
- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	(17.2) 88.125.000	264.375.000
Cộng	22.011.673.699	22.187.923.699
(17.1) Nguồn vốn nhận được từ Ngân sách Nhà nước cho việc thực hiện các dự án sau:		
- Dự án “Xây dựng Kho bảo quản thuốc thú y dự trữ quốc gia” tại số 28, Đường số 6, Khu Công nghiệp Việt Nam-Singapore, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Quyết định đầu tư số 1425/QĐ-BNN-XD ngày 25/6/2014 với tổng mức đầu tư được duyệt là 27.733.649.000 đồng. Đến ngày 30/6/2024, Kho bạc Nhà nước đã thanh toán cho Công ty với số tiền là 21.923.548.699 đồng.		
(17.2) Mua tài sản cố định để phục vụ dự án “Hoàn thiện quy trình sản xuất vắc-xin vô hoạt nhũ dầu quy mô công nghiệp phòng bệnh cúm A/H5N1 cho gia cầm do các biến chủng mới gây ra tại Việt Nam” với số tiền là 2.115.000.000 đồng. Đến ngày 30/6/2024, giá trị đã khấu hao là 2.026.875.000 đồng, giá trị còn lại của tài sản cố định là 88.125.000 đồng.		

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B09a - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính**Đơn vị tính: VNĐ*

18. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	30/6/2024	01/01/2024
- Ngoại tệ các loại: USD	4.593,82	70.425,20
- Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (hàng dự trữ quốc gia) - VNĐ	89.811.119.640	96.087.019.640

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
- Doanh thu từ bán thành phẩm, hàng hóa	153.290.109.607	176.750.636.412
Cộng	153.290.109.607	176.750.636.412
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán bị trả lại	-	-
Cộng doanh thu thuần	153.290.109.607	176.750.636.412
Chi tiết Doanh thu thuần từ bán hàng:		
Doanh thu từ bán sản phẩm vắc-xin	56.661.244.905	55.503.719.329
Doanh thu từ bán sản phẩm dược	23.617.197.870	28.931.933.785
Doanh thu từ bán hàng kinh doanh	73.011.666.832	92.314.983.298
Cộng	153.290.109.607	176.750.636.412
2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
- Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	83.063.884.587	105.665.635.737
Cộng	83.063.884.587	105.665.635.737
3. Doanh thu hoạt động tài chính	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
- Lãi tiền gửi ngân hàng	3.499.631	9.078.991
- Lãi từ chênh lệch tỷ giá thực hiện	79.122.396	1.149.863.467
Cộng	82.622.027	1.158.942.458
4. Chi phí hoạt động tài chính	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
- Chi phí lãi vay	1.620.000.826	1.146.982.376
- Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	671.126.968	1.380.168.380
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.259.046.015	270.980.380
- Chiết khấu thanh toán cho khách hàng	1.063.449.000	1.511.443.346
Cộng	4.613.622.809	4.309.574.482

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
5. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân viên	2.092.164.000	2.999.244.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	799.492.508	911.307.596
- Hoa hồng bán hàng, khuyến mãi	19.391.708.424	10.942.976.368
- Chi phí vận chuyển	1.800.608.155	2.526.304.299
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.343.797.108	5.971.761.864
- Chi phí bằng tiền khác	2.434.393.413	3.830.267.367
Cộng	30.862.163.608	27.181.861.494
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	9.487.174.000	10.944.642.634
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	671.438.499	631.934.115
- Chi phí khấu hao TSCĐ	714.036.739	918.697.223
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.150.269.024	6.184.637.333
- Chi phí bằng tiền khác	6.794.371.373	3.186.768.434
Cộng	26.817.289.635	21.866.679.739
7. Thu nhập khác		
- Lãi từ việc thanh lý tài sản cố định	-	15.545.455
- Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	1.906.750.818	-
- Thu nhập khác	229.001	876.885.928
Cộng	1.906.979.819	892.431.383
8. Chi phí khác		
- Chi phí từ cho thuê mặt bằng	1.596.546.000	-
- Chi phí phạt, chậm nộp thuế	500.081.341	263.943.610
- Thuế truy thu theo Quyết định của thuế	-	933.448.195
- Chi phí khác	46.819.500	17.160.000
Cộng	2.143.446.841	1.214.551.805
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.779.303.973	18.563.706.996
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	1.197.391.805
Thu nhập chịu thuế ước tính	7.779.303.973	19.761.098.801
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.555.860.795	3.952.219.760

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.223.443.178	14.611.487.236
Trừ: Lợi nhuận dùng trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.680.329.658)	(2.922.297.447)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	4.543.113.520	11.689.189.789
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	16.000.000	16.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	284	731
11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	126.878.586.679	135.557.232.622
- Chi phí nhân công	29.599.824.000	35.176.340.634
- Chi phí khấu hao	17.305.777.635	20.545.857.745
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.199.027.450	22.754.440.383
- Chi phí khác	30.170.007.436	19.876.451.425
Cộng	226.153.223.200	233.910.322.809

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

a/ Các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Bảo Trí Invest	Đầu tư dài hạn
Công ty Cổ phần NDC An Khang	Đầu tư dài hạn
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

b/ Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát kỳ này như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Thu nhập</u>
<i>Lương của Ban Tổng Giám đốc</i>		
Bà Nguyễn Thị Kim Lan	Tổng Giám đốc	328.507.000
Ông Trần Xuân Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	270.000.000
Bà Đỗ Thị Hải Thanh	Kế toán trưởng	163.270.000
<i>Thù lao của Hội đồng quản trị</i>		
Ông Trầm Tuấn Khanh	Chủ tịch HĐQT	108.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Lan	Phó Chủ tịch	84.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Hoa	Thành viên HĐQT	48.000.000
Ông Nguyễn Hiếu Liêm	Thành viên HĐQT	42.000.000
Ông Nguyễn Hữu Huân	Thành viên HĐQT	48.000.000
<i>Thù lao của Ban Kiểm soát</i>		
Bà Nguyễn Thị Mí Sa	Trưởng ban kiểm soát	36.000.000
Bà Lê Trần Thanh Trâm	Thành viên ban kiểm soát	18.000.000
Bà Lại Thị Minh Hiền	Thành viên ban kiểm soát	18.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai, doanh nghiệp không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình. Không có bất kỳ yếu tố nào làm ảnh hưởng tới tính hoạt động liên tục của đơn vị cần phải giải thích.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) soát xét cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023.

4. Thông tin về Báo cáo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm. Báo cáo chính yếu của Công ty theo lĩnh vực kinh doanh: bộ phận kinh doanh sản phẩm được, bộ phận kinh doanh sản phẩm vắc-xin, bộ phận hàng kinh doanh. Thông tin báo cáo bộ phận kỳ này và kỳ trước như sau:

a. Báo cáo bộ phận 6 tháng đầu năm 2024

Chỉ tiêu	Sản phẩm được	Sản phẩm vắc-xin	Hàng kinh doanh	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	23.617.197.870	56.661.244.905	73.011.666.832	153.290.109.607
2. Giá vốn hàng bán	14.069.383.981	32.978.179.457	36.016.321.149	83.063.884.587
3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	9.547.813.889	23.683.065.448	36.995.345.683	70.226.225.020
- Tài sản không phân bổ				928.688.469.864
Tổng tài sản				928.688.469.864
- Nợ phải trả không phân bổ				584.119.915.880
Tổng nợ phải trả				584.119.915.880

b. Báo cáo bộ phận 6 tháng đầu năm 2023

Chỉ tiêu	Sản phẩm được	Sản phẩm vắc-xin	Hàng kinh doanh	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	28.931.933.785	55.503.719.329	92.314.983.298	176.750.636.412
2. Giá vốn hàng bán	17.636.068.137	31.988.340.653	56.041.226.947	105.665.635.737
3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	11.295.865.648	23.515.378.676	36.273.756.351	71.085.000.675
- Tài sản không phân bổ				907.059.775.058
Tổng tài sản				907.059.775.058
- Nợ phải trả không phân bổ				554.658.894.330
Tổng nợ phải trả				554.658.894.330

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VND

5. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính giữa niên độ.



Lê Thái Bình

Người lập biểu

Ngày 10 tháng 8 năm 2024



Đỗ Thị Hải Thanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Lan

Tổng Giám đốc